

Số 2096/QĐ-TCHQ

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định định dạng thông điệp dữ liệu trao đổi giữa Tổng cục Hải quan và Ngân hàng thương mại trong hệ thống hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua hàng ở Việt Nam và mang theo khi xuất cảnh

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/02/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều Luật thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư 72/2014/TT-BTC ngày 30/05/2014 Quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh;

Căn cứ Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh;

Căn cứ Quyết định số 65/2015/QĐ-TTg ngày 17/12/2015 quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này “*Quy định định dạng thông điệp dữ liệu trao đổi giữa Tổng cục Hải quan và Ngân hàng thương mại trong hệ thống hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua hàng ở Việt Nam và mang theo khi xuất cảnh*”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2377/QĐ-TCHQ ngày 24/07/2017 của Tổng cục Hải quan về việc ban hành Quy định định dạng thông điệp dữ liệu trao đổi giữa Tổng cục Hải quan và Ngân hàng thương mại trong hệ thống hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua hàng ở Việt Nam và mang theo khi xuất cảnh .

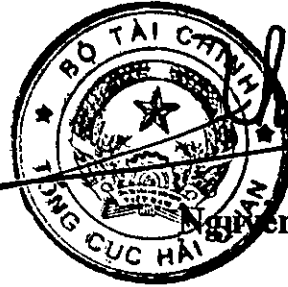
Điều 3. Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan; Cục Thuế xuất nhập khẩu, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố có cửa khẩu sân bay quốc tế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Lưu: VT, CNTT (2b).

[Handwritten signature]

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



[Handwritten signature]
Nguyễn Dương Thái

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 5 tháng 8 năm 2020

QUY ĐỊNH

Định dạng thông điệp dữ liệu trao đổi giữa Tổng cục Hải quan và Ngân hàng thương mại trong Hệ thống hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua hàng ở Việt Nam và mang theo khi xuất cảnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2096/QĐ-TCHQ ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)

Chương 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về định dạng thông điệp dữ liệu trao đổi giữa Tổng cục Hải quan và ngân hàng thương mại trong hệ thống hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua hàng ở Việt Nam và mang theo khi xuất cảnh (sau đây gọi là hệ thống VAT-RS)

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Định dạng thông điệp dữ liệu quy định tại quyết định này áp dụng thống nhất với hệ thống công nghệ thông tin của Ngân hàng thương mại kết nối, trao đổi thông tin với hệ thống VAT-RS.

Điều 3. Giải thích các thuật ngữ và khái niệm

1. Giải thích từ ngữ viết tắt

- **TCHQ**: Tổng cục Hải quan;
- **NHTM**: Ngân hàng thương mại;
- **VAT**: Thuế giá trị gia tăng.

2. Các loại thông điệp dữ liệu

Mã	Tên Thông điệp	Ghi chú	TCHQ gửi cho NHTM	NHTM gửi cho TCHQ
M11	Thông điệp nhận từ Ngân hàng: Đề nghị tra cứu thông tin hóa đơn đã xác nhận hoàn VAT từ hệ thống ngân hàng	Nhận và kiểm tra thông tin đề nghị tra cứu thông tin hóa đơn đã xác nhận hoàn VAT		X
M12	Thông điệp trả lời của hệ thống: Cung cấp thông tin về hóa đơn đã xác nhận hoàn VAT cho hệ thống ngân hàng	Cung cấp thông tin chi tiết về hóa đơn đã xác nhận hoàn VAT cho ngân hàng.	X	
M21	Thông điệp nhận từ Ngân hàng: Thông điệp đề nghị xác nhận hoàn VAT thực tế	Tiếp nhận, kiểm tra thông điệp đề nghị xác nhận hoàn VAT thực tế từ Ngân hàng		X
M22	Thông điệp trả lời của hệ thống: Xác nhận đã ghi nhận đề nghị Xác nhận hoàn tiền VAT thực tế	Hệ thống trả lời đã xác nhận việc ghi nhận đề nghị Xác nhận hoàn tiền VAT thực tế	X	
M23	Thông điệp nhận từ Ngân hàng: Tiếp nhận, kiểm tra thông điệp đề nghị hiệu chỉnh thông tin xác nhận hoàn VAT thực tế			X
M24	Thông điệp trả lời của hệ thống: Xác nhận đã ghi nhận đề nghị hiệu chỉnh thông tin xác nhận hoàn tiền VAT thực tế		X	

Mã	Tên Thông điệp	Ghi chú	TCHQ gửi cho NHTM	NHTM gửi cho TCHQ
M31	Thông điệp nhận từ Ngân hàng: Thông điệp đề nghị đối chiếu dữ liệu hoàn VAT thực tế phát sinh khi ngân hàng có nhu cầu.			X
M32	Thông điệp trả lời của hệ thống: Xác nhận đã ghi nhận nội dung đề nghị đối chiếu		X	
M33	Thông điệp nhận từ Ngân hàng: Thông điệp đề nghị cung cấp kết quả đối chiếu dữ liệu hoàn VAT thực tế			X
M34	Thông điệp trả lời của hệ thống: Cung cấp kết quả đối chiếu dữ liệu phát sinh		X	

3. Định dạng dữ liệu trao đổi thông tin

Ngôn ngữ XML được áp dụng để trao đổi thông tin giữa hệ thống thông tin của cơ quan hải quan và hệ thống thông tin của Ngân hàng thương mại tham gia hoàn thuế giá trị gia tăng.

XML (eXtensible Markup Language - Ngôn ngữ đánh dấu mở rộng): là một bộ quy luật về cách chia một tài liệu ra làm nhiều phần, rồi đánh dấu và ráp các phần khác nhau lại để dễ nhận diện.

Thành phần của một thông điệp XML: Là một khối tạo thành thông điệp XML bắt đầu bằng 1 thẻ mở, và kết thúc bằng thẻ đóng cùng tên, theo công thức.

Thuộc tính của 1 thành phần: cung cấp thông tin bổ sung về thành phần đó và luôn được đặt bên trong thẻ của thành phần đó.

Một thông điệp XML trao đổi dữ liệu điện tử hệ thống thông tin của cơ quan hải quan và hệ thống thông tin của Ngân hàng thương mại tham gia hoàn thuế giá trị gia tăng được gọi là hoàn chính và hợp lệ nếu nó không vi phạm các quy tắc về cú pháp và cấu trúc các thông điệp dữ liệu tại quy định này.

Chương 2

QUY TRÌNH TRAO ĐỔI THÔNG TIN

Điều 4. Các chức năng của hệ thống

Hệ thống VAT - RS cho người nước ngoài bao gồm các phân hệ sau:

1. Phân hệ doanh nghiệp bán hàng: Dùng cho các doanh nghiệp bán hàng kê khai hóa đơn đã xuất cho khách hàng có nhu cầu hoàn VAT.
2. Phân hệ Hải quan: Dùng cho cán bộ Hải quan cửa khẩu có nhiệm vụ xác nhận hoàn thuế cho người nước ngoài.
3. Phân hệ trao đổi thông tin với Ngân hàng: Có nhiệm vụ trao đổi thông tin về hóa đơn đã xác nhận hoàn thuế, hóa đơn đã hoàn thuế, tiếp nhận thông tin hiệu chỉnh hóa đơn, tra cứu tổng hợp số liệu.
4. Phân hệ trao đổi thông tin với Tổng cục Thuế: Có nhiệm vụ trao đổi thông tin doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài, Quyết định thanh toán cho Ngân hàng thương mại, số tiền thuế người nước ngoài được hoàn.

Điều 5. Quy trình trao đổi dữ liệu trên hệ thống VAT-RS

Hệ thống VAT-RS được xây dựng theo mô hình tập trung, được triển khai tập trung tại trung tâm dữ liệu công nghệ thông tin của Tổng cục Hải quan. Quy trình thực hiện cập nhật, tra cứu dữ liệu như sau:

- Bước 1: Khi khách hàng đến cửa hàng mua hàng hoàn thuế, doanh nghiệp bán hàng truy cập vào phân hệ doanh nghiệp của hệ thống VAT-RS qua ứng dụng web (bằng tài khoản đã được cấp) để cập nhật thông tin hóa đơn kiêm tờ khai hoàn VAT vào hệ thống VAT-RS (trường hợp có sai sót, thực hiện sửa, xóa thông tin qua chức năng của hệ thống);

- Bước 2: Khi khách hàng mua hàng hoàn thuế thực hiện việc hoàn thuế tại cơ quan hải quan, cán bộ Hải quan truy cập vào phân hệ hải quan của hệ thống VAT-RS qua ứng dụng web tìm hóa đơn, xác nhận thông tin hàng xuất cảnh trên

hệ thống VAT-RS.

- Bước 3: Khi khách hàng mua hàng hoàn thuế thực hiện việc hoàn thuế tại ngân hàng: Ngân hàng kiểm tra thẻ lên tàu bay/tàu biển; hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế; tra cứu trên hệ thống VAT-RS thông tin hóa đơn đã được cán bộ hải quan xác nhận hoàn thuế. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, ngân hàng từ chối hoàn thuế hoặc đồng ý trả tiền hoàn thuế cho người nước ngoài và gửi thông tin tới TCHQ qua hệ thống VAT-RS (thông qua webservice của TCHQ); Trường hợp có sai sót, thực hiện gửi thông tin đề nghị điều chỉnh tới TCHQ qua hệ thống VAT-RS.

- Bước 4: Định kỳ ngân hàng gửi thông tin yêu cầu đối chiếu kết quả hoàn thuế với cơ quan Hải quan (thông qua webservice của TCHQ). Hệ thống VAT-RS sẽ kiểm tra và trả về kết quả đối chiếu giao dịch theo yêu cầu.

Chương 3

HỆ THỐNG THÔNG TIN

Điều 6. Điều kiện kết nối, trao đổi thông tin

Việc kết nối, trao đổi thông tin giữa hệ thống VAT-RS và hệ thống thông tin của các NHTM tuân theo quy định tại điều 7 Thông tư 72/2014/TT-BTC ngày 30/05/2014 của Bộ Tài chính và điều 4a Thông tư 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ Tài chính.

Điều 7. Kết nối và dừng kết nối, trao đổi thông tin

Trong trường hợp Ngân hàng yêu cầu kết nối trao đổi thông tin với hệ thống VAT-RS của Tổng cục Hải quan có văn bản gửi theo mẫu phụ lục 01 của Quy định này.

Cơ quan Hải quan sẽ dừng kết nối, trao đổi thông tin trên hệ thống VAT-RS khi NHTM vi phạm các quy định về việc hoàn thuế giá trị gia tăng (quy định tại Điều 16 Thông tư 72/2014/TT-BTC ngày 30/05/2014 của Bộ Tài chính).

Trường hợp NHTM chủ động đề nghị dừng kết nối trao đổi thông tin với hệ thống VAT-RS của hải quan, NHTM có văn bản đề nghị dừng kết nối trao đổi thông tin tới TCHQ (theo mẫu tại phụ lục 02 của Quy chế này).

Điều 8. Thông điệp dữ liệu

1. Các thông điệp dữ liệu trao đổi giữa hệ thống VAT-RS và hệ thống thông tin của các NHTM dưới dạng XML. Định dạng dữ liệu cho các chỉ tiêu

thông tin trong thông điệp dữ liệu trao đổi được quy định tại phụ lục 03 của Quy định này.

2. Các thông điệp dữ liệu trao đổi giữa TCHQ và NHTM phải được ký số.

3. Thời gian trễ của mỗi giao dịch truyền nhận thông điệp dữ liệu được tham số hóa để có thể điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu giao dịch. Nếu quá thời gian trễ mà không có phản hồi thì thông điệp dữ liệu đó sẽ được hủy và thực hiện gửi lại.

Điều 9. Gửi, nhận lại thông điệp dữ liệu

Thông điệp dữ liệu được gửi, nhận lại trong các trường hợp:

- Do sự cố kỹ thuật hoặc lần gửi, nhận trước chưa thành công;
- Gửi lại theo yêu cầu của bên nhận (được xác nhận bằng thông điệp có chữ ký số của người có thẩm quyền). Ghi nhật ký các thông điệp dữ liệu.

Quá trình xử lý các thông điệp dữ liệu được hệ thống thông tin của cơ quan Hải quan và hệ thống thông tin của các NHTM tự động ghi lại trong cơ sở dữ liệu của TCHQ. Định kỳ, các dữ liệu này được lưu trữ ra các thiết bị lưu trữ (băng từ, SAN, ...) và được bảo quản theo chế độ quy định như đối với việc bảo quản chứng từ điện tử.

Điều 10. Bảo quản, lưu trữ dữ liệu điện tử

Lưu trữ dữ liệu điện tử về việc hoàn thuế giá trị gia tăng qua NHTM bằng phương thức điện tử đảm bảo:

1. Tính an toàn bảo mật, toàn vẹn, đầy đủ, không bị thay đổi, sai lệch, kịp thời và hợp pháp của chứng từ điện tử trong suốt thời gian lưu trữ;
2. Lưu trữ đúng và đủ thời hạn đối với từng loại chứng từ theo các quy định của pháp luật.
3. In được ra giấy hoặc tra cứu được khi có yêu cầu.

Điều 11. Giải pháp bảo mật

Giải pháp bảo mật về đường truyền, thông điệp dữ liệu, cặp khóa giữa hệ thống thông tin của cơ quan hải quan và hệ thống thông tin của các NHTM được thực hiện theo các quy định hiện hành về an ninh an toàn thông tin và thỏa thuận hợp tác giữa TCHQ và NHTM.

Chương 4

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12: Trách nhiệm của Cục Thuế xuất nhập khẩu

1. Tham mưu trong việc cải tiến, hoàn thiện các quy định về chính sách hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua hàng ở Việt Nam và mang theo khi xuất cảnh;
2. Sử dụng hệ thống VAT-RS phục vụ công tác thống kê, quản lý;
3. Phối hợp với Cục CNTT & Thống kê Hải quan xử lý những vấn đề vướng mắc phát sinh về nghiệp vụ trong quá trình vận hành hệ thống.

Điều 13. Trách nhiệm của Cục CNTT & Thống kê Hải quan

1. Chủ trì trong xây dựng, nâng cấp, vận hành hệ thống VAT-RS;
2. Trực tiếp đảm bảo kỹ thuật, hoạt động của hệ thống VAT-RS;
3. Xây dựng, thiết kế, kết xuất dữ liệu theo các biểu mẫu theo đề nghị của Cục Thuế xuất nhập khẩu;
4. Chủ trì hướng dẫn các đơn vị khai thác và sử dụng dữ liệu trên hệ thống VAT-RS.

Điều 14. Trách nhiệm của Cục Hải quan các tỉnh thành phố có cửa khẩu sân bay quốc tế

1. Tổ chức thực hiện vận hành hệ thống VAT-RS triển khai tại đơn vị đúng quy định.
2. Đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, kịp thời các thông tin đã cung cấp và xử lý trong quá trình trao đổi với hệ thống thông tin của các Ngân hàng thương mại.

Trong quá trình thực hiện có phát sinh vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh về Tổng cục Hải quan xem xét, giải quyết./.



Phụ lục I

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ KẾT NỐI TRAO ĐỔI THÔNG TIN VỚI HỆ THỐNG VAT-RS CỦA TỔNG CỤC HẢI QUAN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2098/QĐ-TCHQ ngày 05 / 8 / 2020 của Tổng cục Hải quan)



NHTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., Ngày tháng năm ...

V/v đề nghị kết nối trao đổi thông tin với hệ thống VAT-RS của Tổng cục Hải quan

Kính gửi: Tổng cục Hải quan

Tên ngân hàng thương mại:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Đề nghị được kết nối, trao đổi thông tin với hệ thống VAT-RS của Tổng cục Hải quan

Ngày dự kiến kiểm thử kết nối:

Ngày dự kiến kiểm kết nối chính thức:

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)



Phụ lục II

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ DỪNG KẾT NỐI TRAO ĐỔI THÔNG TIN VỚI HỆ THỐNG VAT-RS CỦA TỔNG CỤC HẢI QUAN

(Ban hành kèm theo Quyết định 2096/QĐ-TCHQ ngày 05 / 8 /2020 của Tổng cục Hải quan)

NHTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., Ngày tháng năm ...

V/v đề nghị dừng kết nối trao
đổi thông tin với hệ thống VAT-
RS của Tổng cục Hải quan

Kính gửi: Tổng cục Hải quan

Tên ngân hàng thương mại..

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Đề nghị được dừng kết nối, trao đổi thông tin với hệ thống VAT-RS của Tổng cục Hải quan

Ngày dự kiến dừng kết nối:

Lý do:

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu: VT,....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)



Phụ lục III

CHUẨN THÔNG ĐIỆP TRAO ĐỔI THÔNG TIN QUA HỆ THỐNG VAT-RS GIỮA TỔNG CỤC HẢI QUAN VÀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2098/QĐ-TCHQ ngày 05/8/2020 của Tổng cục Hải quan)

1. Kiểu dữ liệu:

- a: chữ cái (Ascii)
- A: chữ cái viết hoa (Ascii)
- u: chữ cái unicode (utf-8)
- U: chữ cái unicode viết hoa (utf-8)
- n: chữ số
- an: xâu ký tự bao gồm cả chữ cái (Ascii) và chữ số
- aX: xâu ký tự chỉ bao gồm chữ cái (Ascii) có độ dài X ký tự
- An: Xâu ký tự bao gồm chữ cái viết hoa (Ascii) và chữ số
- AX: xâu ký tự chỉ bao gồm chữ cái viết hoa (Ascii) có độ dài X ký tự
- un: xâu ký tự bao gồm cả chữ cái unicode (utf-8) và chữ số
- uX: xâu ký tự chỉ bao gồm chữ cái unicode (utf-8) có độ dài X ký tự
- Un: xâu ký tự bao gồm cả chữ cái unicode viết hoa (utf-8) và chữ số
- aX: xâu ký tự chỉ bao gồm chữ cái (Ascii) có độ dài X ký tự
- a..X: xâu ký tự chỉ bao gồm chữ cái có độ dài tối đa X ký tự
- nX: số có độ dài X chữ số
- n..X: số có độ dài tối đa X chữ số
- n..X,Y: số có độ dài tối đa X chữ số, trong đó có tối đa Y chữ số thập phân

2. Loại thông điệp:

- 11 Đề nghị tra cứu thông tin hóa đơn đã xác
- 12 Cung cấp thông tin về hóa đơn đã xác nhận
- 21 Thông điệp đề nghị xác nhận hoàn VAT thực tế
- 22 Xác nhận đã ghi nhận đề nghị Xác nhận hoàn tiền VAT thực tế
- 23 Thông điệp đề nghị hiệu chỉnh thông tin
- 24 Xác nhận đã ghi nhận đề nghị hiệu chỉnh
- 31 Thông điệp đề nghị đối chiếu dữ liệu hoàn VAT thực tế
- 32 Xác nhận đã ghi nhận nội dung đề nghị đối chiếu
- 33 Thông điệp đề nghị cung cấp kết quả đối
- 34 Cung cấp kết quả đối chiếu dữ liệu

Thông điệp M11:

ST	Tên thẻ XML							Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7						
	M11. THÔNG ĐIỆP TRA CỨU THÔNG TIN HOÁ ĐƠN ĐÃ XÁC NHẬN HOÀN THUẾ												
	Mô tả thông điệp:												
I	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng thông điệp: Tra cứu thông tin hoá đơn đã xác nhận hoàn thuế - Thông điệp hỏi: Message Type = 11; - Thông điệp trả lời: Message Type = 12; ErrorCode= 0; 												
	Customs							1-1			None		
		Header						1-1			None		
		Message_Version						1-1	Varchar	x	an..5	Phiên bản thông điệp (2.0)	
		Sender_Code						1-1	Varchar	x	an..11	Mã Ngân hàng	
		Sender_Name						1-1	NVarchar	x	un..255	Tên Ngân hàng	
		Transaction_Type						1-1	Number	x	n..2	Loại thông điệp (M11)	
		Transaction_Name						1-1	NVarchar	x	un..255	Tên thông điệp	
		Transaction_Date						1-1	Datetime		an19	Ngày giao dịch	YYYY-MM-DD Thh:mm:ss
		Transaction_ID						1-1	Varchar	x	an..40	Mã giao dịch	
		Data						1-1			None		
		So_Hoadon						1-1	NVarchar	x	an..15	Số hóa đơn	
		MS_Thuê						1-1	NVarchar	x	an..14	Mã số thuế của cửa hàng	
		Ngày_Lap						1-1	DateTime	x	An10	Ngày lập Hóa đơn	dd-MM-yyyy
		Signature						1-1	Varchar	x	None	Ký toàn bộ thông điệp theo phương thức Enveloped theo chuẩn xml signature	
		SignedInfo						1-1	Varchar	x	None		
		CanonicalizationMethod						1-1	Varchar	x	an..100	Phương thức chuẩn hoá dữ liệu	
		SignatureMethod						1-1	Varchar	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để ký số	
		Reference						1-1	Varchar	x	None		
		Transforms						1-1	Varchar	x	None		
		Transform						1-1	Varchar	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để chuyển đổi thông điệp	

ST T	Tên thẻ XML							Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7						
					DigestMethod			1-1	Varchar	x	an..100	Thuật toán sử dụng để băm	SHA2
					DigestValue			1-1	Varchar	x	an..100	Giá trị của hàm băm	Base64
			SignatureValue					1-1	Varchar	x	un..500	Chữ ký số trên thông điệp	
			KeyInfo					1-1	Varchar	x	None		
			X509Data					1-1	Varchar	x	None		
				X509IssuerSerial				1-1	Varchar	x	None		
				X509IssuerName				1-1	Varchar	x	un..255	Người được cấp chứng thư số	
				X509SerialNumber				1-1	Number	x	n..40	Số serial của chứng thư số	Bigint
				X509Certificate				1-1	Varchar	x	an..4000	Chứng thư số	Base64

Thông điệp M12:

ST T	Tên thẻ XML							Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7						
M12. TRẢ LỜI KẾT THỔNG TIN VỀ HÓA ĐƠN ĐÃ XÁC NHẬN HOÀN THUẾ VAT CHO HỆ THỔNG NGÂN HÀNG													
Mô tả thông điệp:													
II - Chức năng thông điệp: Trả lời kết thông tin về hóa đơn đã xác nhận hoàn thuế VAT cho hệ thống ngân hàng - Thông điệp hỏi: Message Type = 11; - Thông điệp trả lời: Message Type = 12; ErrorCode= 0;													
	Customs							1-1		x	None		
		Header						1-1		x	None		
			Message_Version					1-1	Varchar	x	an..5	Phiên bản thông điệp (2.0)	
			Sender_Code					1-1	Varchar	x	an..11	Mã Ngân hàng	
			Sender_Name					1-1	NVarchar	x	un..255	Tên Ngân hàng	
			Transaction_Type					1-1	Number	x	n..2	Loại thông điệp (M12)	
			Transaction_Name					1-1	NVarchar	x	un..255	Tên thông điệp	
			Transaction_Date					1-1	Datetime	x	an19	Ngày giao dịch	YYYY-MM-DD Thh:mm:ss
			Transaction_ID					1-1	Varchar	x	an..40	Mã giao dịch	
			Request_ID					1-1	Varchar	x	an..40	Mã giao dịch do Ngân hàng cấp	
		Data									None		

ST T	Tên thẻ XML							Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú	
	1	2	3	4	5	6	7							
			So_Hoadon					1-1	Varchar	x	an..15	Số hóa đơn		
			Ngay_Lap					1-1	DateTime	x	an10	Ngày lập Hóa đơn	YYYY-MM-DD	
			Ten_Cuahang					1-1	NVarchar	x	un..255	Tên Cửa hàng bán hàng		
			MS_Thue					1-1	Varchar	x	an..14	Mã số thuế cửa hàng		
			Diachi_Cuahang					1-1	NVarchar	x	un..255	Địa chỉ Cửa hàng		
			Ten_Khachang					1-1	NVarchar	x	un..255	Tên khách hàng		
			So_Hochieu					1-1	Varchar	x	an..12	Số hộ chiếu khách hàng		
			Ngaycap_Hochieu					1-1	DateTime	x	An10	Ngày cấp hộ chiếu	YYYY-MM-DD	
			Quoc_tich					1-1	NVarchar	x	an..50	Quốc tịch của khách hàng		
			Ma_Quocgia					1-1	Varchar	x	an..3	Mã Quốc gia khách hàng		
			Ngay_Xacnhan					1-1	DateTime	x	An10	Ngày xác nhận hóa đơn	YYYY-MM-DD	
			Tong_Tienhang					1-1	Number	x	n..15	Tổng giá trị hóa đơn trước thuế		
			Tong_ThueVAT					1-1	Number	x	n..15	Giá trị tiền thuế		
			Tong_TienTT					1-1	Number	x	n..15	Tổng giá trị hóa đơn sau thuế		
			Sotien_Xacnhanhoan					1-1	Number	x	n..15	Số thuế được phép hoàn		
			Sotien_Thuctehoan					1-1	Number	x	n..15	Số tiền thuế thực tế đã hoàn		
			Detail						1-n		x	None		
			STT					1-1	Number	x	n..2	Số thứ tự hàng hóa trong hóa đơn		
			Ten_MatHang					1-1	NVarchar	x	un..255	Tên mặt hàng		
			Ten_DVT					1-1	NVarchar	x	un..12	Đơn vị tính		
			SoLuong					1-1	Number	x	n..4	Số lượng		
			DonGia					1-1	Number	x	n..15	Đơn giá		
			ThanhTien					1-1	Number	x	n..15	Thành tiền		
			ThueSuat_VAT					1-1	Number	x	n..2	Thuế suất (Bảng 5: 5%, 10: 10%)		
			Tien_ThueVAT					1-1	Number	x	n..15	Tiền thuế VAT		
			SoTien_TT					1-1	Number	x	n..15	Giá trị hàng hóa sau thuế		

ST T	Tên thẻ XML							Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7						
				SoLuong_HoanThue				1-1	Number	x	n..4	Số lượng hàng hóa được phép hoàn thuế	
				Sotien_Xacnhanhoan				1-1	Number	x	n..15	Số thuế VAT được hoàn	
				Sotien_Thuctehoan				1-1	Number	x	n..15	Số thuế VAT thực tế đã hoàn	
		Error						1-1		x	None		
			Error Number					1-1	Varchar	x	n..4	Mã lỗi	
			Error Message					1-1	Number	x	un..255	Nội dung lỗi	
		Signature						1-1	Varchar	x	None	Ký toàn bộ thông điệp theo phương thức Enveloped theo chuẩn xml signature	
			SignedInfo					1-1	Varchar	x	None		
			CanonicalizationMethod					1-1	Varchar	x	an..100	Phương thức chuẩn hoá dữ liệu	
			SignatureMethod					1-1	Varchar	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để ký số	
			Reference					1-1	Varchar	x	None		
				Transforms				1-1	Varchar	x	None		
					Transform			1-1	Varchar	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để chuyển đổi thông điệp	
				DigestMethod				1-1	Varchar	x	an..100	Thuật toán sử dụng để băm	SHA2
				DigestValue				1-1	Varchar	x	an..100	Giá trị của hàm băm	Base64
		SignatureValue						1-1	Varchar	x	un..500	Chữ ký số trên thông điệp	
		KeyInfo						1-1	Varchar	x	None		
			X509Data					1-1	Varchar	x	None		
			X509IssuerSerial					1-1	Varchar	x	None		
				X509IssuerName				1-1	Varchar	x	un..255	Người được cấp chứng thư số	
				X509SerialNumber				1-1	Number	x	n..40	Số serial của chứng thư số	Bigint
			X509Certificate					1-1	Varchar	x	an..4000	Chứng thư số	Base64

Thông điệp M21:

ST T	Tên thẻ XML							Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7						
M21. THÔNG ĐIỆP ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN HOÀN VAT THỰC TẾ													
Mô tả thông điệp:													
I	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng thông điệp: Thông điệp đề nghị xác nhận hoàn VAT thực tế - Thông điệp hỏi: Message Type = 21; - Thông điệp trả lời: Message Type = 22; ErrorCode= 0; 												
	Customs							1-1		x	None		
		Header						1-1		x	None		
			Message_Version					1-1	Varchar	x	an..5	Phiên bản thông điệp (2.0)	
			Sender_Code					1-1	Varchar	x	an..11	Mã Ngân hàng	
			Sender_Name					1-1	NVarchar	x	un..255	Tên Ngân hàng	
			Transaction_Type					1-1	Number	x	n..2	Loại thông điệp (M21)	
			Transaction_Name					1-1	NVarchar	x	un..255	Tên thông điệp	
			Transaction_Date					1-1	Datetime	x	an19	Ngày giao dịch	YYYY-MM-DD Thh:mm:ss
			Transaction_ID					1-1	Varchar	x	an..40	Mã giao dịch	
		Data						1-1		x	None		
			So_Hoadon					1-1	Varchar	x	an..15	Số hóa đơn	
			Ngày_Lap					1-1	DateTime	x	An10	Ngày lập Hóa đơn	YYYY-MM-DD
			Ma_Cuahang					1-1	Varchar	x	an..15	Mã Cửa hàng bán hàng	
			So_Hochieu					1-1	Varchar	x	an..12	Số hộ chiếu khách hàng	
			Ketqua_Hoanthue					1-1	Number	x	n..1	Kết quả hoàn thuế (0: Đồng ý hoàn thuế, 1: Từ chối hoàn thuế	

ST T	Tên thẻ XML							Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7						
			Lydo_Tuchoi					1-1	NVarchar	x	un..500	Lý do từ chối hoàn thuế	Nếu kết quả hoàn thuế = 1 (Từ chối hoàn thuế), bắt buộc nhập lý do từ chối
			Sotien_Thuctehoan					1-1	Number	x	n..15	Số tiền thuế thực tế đã hoàn	Nếu kết quả hoàn thuế = 0 (Đồng ý hoàn thuế), bắt buộc nhập số tiền thực tế đã hoàn
			Ngay_Hoanthue					1-1	DateTime	x	An10	Ngày hoàn thuế thực tế	YYYY-MM-DD
			Hang_Bay					1-1	NVarchar	x	un..50	Hãng bay	
			Sohieu_Chuyenbay					1-1	NVarchar	x	un..20	Số hiệu chuyến bay	
			Ngay_Bay					1-1	DateTime	x	An10	Ngày bay	
			Kyhieu_Chungtu					1-1	Varchar	x	an..15	Ký hiệu chứng từ chi tiền do Ngân hàng cấp	
			So_Chungtu					1-1	Varchar	x	an..15	Số chứng từ chi tiền do Ngân hàng cấp	
			Signature					1-1	Varchar	x	None	Ký toàn bộ thông điệp theo phương thức Enveloped theo chuẩn xml signature	
			SignedInfo					1-1	Varchar	x	None		
			CanonicalizationMethod					1-1	Varchar	x	an..100	Phương thức chuẩn hoá dữ liệu	
			SignatureMethod					1-1	Varchar	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để ký số	
			Reference					1-1	Varchar	x	None		
			Transforms					1-1	Varchar	x	None		
			Transform					1-1	Varchar	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để chuyển đổi thông điệp	

ST T	Tên thẻ XML							Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7						
					DigestMethod			1-1	Varchar	x	an..100	Thuật toán sử dụng để băm	SHA2
					DigestValue			1-1	Varchar	x	an..100	Giá trị của hàm băm	Base64
					SignatureValue			1-1	Varchar	x	un..500	Chữ ký số trên thông điệp	
					KeyInfo			1-1	Varchar	x	None		
					X509Data			1-1	Varchar	x	None		
					X509IssuerSerial			1-1	Varchar	x	None		
					X509IssuerName			1-1	Varchar	x	un..255	Người được cấp chứng thư số	
					X509SerialNumber			1-1	Number	x	n..40	Số serial của chứng thư số	Bigint
					X509Certificate			1-1	Varchar	x	an..4000	Chứng thư số	Base64

Thông điệp M22:

ST T	Tên thẻ XML							Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú	
	1	2	3	4	5	6	7							
	M22. THÔNG ĐIỆP XÁC NHẬN ĐÃ GHI NHẬN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN HOÀN TIỀN VAT THỰC TẾ TRÊN CƠ SỞ THÔNG ĐIỆP M21													
	Mô tả thông điệp:													
II	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng thông điệp: Thông điệp xác nhận đã ghi nhận đề nghị Xác nhận hoàn tiền VAT thực tế trên cơ sở thông điệp M21 - Thông điệp hỏi: Message Type = 21; - Thông điệp trả lời: Message Type = 22; 													
	Customs							1-1		x	None			
		Header							1-1		x	None		
					Message_Version			1-1	Varchar	x	an..5	Phiên bản thông điệp (2.0)		
					Sender_Code			1-1	Varchar	x	an..11	Mã Ngân hàng		
					Sender_Name			1-1	NVarchar	x	un..255	Tên Ngân hàng		
					Transaction_Type			1-1	Number	x	n..2	Loại thông điệp (M22)		
					Transaction_Name			1-1	NVarchar	x	un..255	Tên thông điệp		
					Transaction_Date			1-1	Datetime	x	an19	Ngày giao dịch	YYYY-MM-DD Thh:mm:ss	
					Transaction_ID			1-1	Varchar	x	an..40	Mã giao dịch		
					Request_ID			1-1	Varchar	x	an..40	Mã giao dịch do Ngân hàng cấp		
		Error							1-1		x	None		

ST T	Tên thẻ XML							Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7						
			Error Number					1-1	Varchar	x	n..4	Mã lỗi	
			Error Message					1-1	Number	x	un..255	Nội dung lỗi	
			Signature					1-1	Varchar	x	None	Ký toàn bộ thông điệp theo phương thức Enveloped theo chuẩn xml signature	
			SignedInfo					1-1	Varchar	x	None		
			CanonicalizationMethod					1-1	Varchar	x	an..100	Phương thức chuẩn hoá dữ liệu	
			SignatureMethod					1-1	Varchar	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để ký số	
			Reference					1-1	Varchar	x	None		
			Transforms					1-1	Varchar	x	None		
			Transform					1-1	Varchar	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để chuyển đổi thông điệp	
			DigestMethod					1-1	Varchar	x	an..100	Thuật toán sử dụng để băm	SHA2
			DigestValue					1-1	Varchar	x	an..100	Giá trị của hàm băm	Base64
			SignatureValue					1-1	Varchar	x	un..500	Chữ ký số trên thông điệp	
			KeyInfo					1-1	Varchar	x	None		
			X509Data					1-1	Varchar	x	None		
			X509IssuerSerial					1-1	Varchar	x	None		
			X509IssuerName					1-1	Varchar	x	un..255	Người được cấp chứng thư số	
			X509SerialNumber					1-1	Number	x	n..40	Số serial của chứng thư số	Bigint
			X509Certificate					1-1	Varchar	x	an..4000	Chứng thư số	Base64

Thông điệp M23:

ST T	Tên thẻ XML							Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7						
M23. THÔNG ĐIỆP ĐỀ NGHỊ HIỆU CHỈNH THÔNG TIN XÁC NHẬN HOÀN VAT THỰC TẾ													
Mô tả thông điệp:													
I	- Chức năng thông điệp: Thông điệp đề nghị hiệu chỉnh thông tin xác nhận hoàn VAT thực tế - Thông điệp hỏi: Message Type = M23; - Thông điệp trả lời: Message Type = M24;												
	Customs							1-1		x	None		
		Header						1-1		x	None		
			Message_Version					1-1	Varchar	x	an..5	Phiên bản thông điệp (2.0)	
			Sender_Code					1-1	Varchar	x	an..11	Mã Ngân hàng	
			Sender_Name					1-1	NVarchar	x	un..255	Tên Ngân hàng	
			Transaction_Type					1-1	Number	x	n..2	Loại thông điệp (M23)	
			Transaction_Name					1-1	NVarchar	x	un..255	Tên thông điệp	
			Transaction_Date					1-1	Datetime	x	an19	Ngày giao dịch	YYYY-MM-DD Thh:mm:ss
			Transaction_ID					1-1	Varchar	x	an..40	Mã giao dịch	
		Data						1-1		x	None		
			So_Hoadon					1-1	Varchar	x	an..15	Số hóa đơn	
			Ngày_Lap					1-1	DateTime	x	An10	Ngày lập Hóa đơn	YYYY-MM-DD
			MS_Thue					1-1	Varchar	x	an..14	Mã số thuế cửa hàng bán hàng	
			So_Hochieu					1-1	Varchar	x	an..12	Số hộ chiếu khách hàng	
			Ketqua_Hoanthue					1-1	Number	x	n..1	Kết quả hoàn thuế (0: Đồng ý hoàn thuế, 1: Từ chối hoàn thuế)	
			Lydo_Tuchoi					1-1	NVarchar	x	un..500	Lý do từ chối hoàn thuế	Nếu kết quả hoàn thuế = 1 (Từ chối hoàn thuế), bắt buộc nhập lý do từ chối

ST T	Tên thẻ XML							Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7						
			Sotien_Thuctehoan					1-1	Number	x	n..15	Số tiền thuế thực tế đã hoàn	Nếu kết quả hoàn thuế = 0 (Đồng ý hoàn thuế), bắt buộc nhập số tiền thực tế đã hoàn
			Ngay_Hoanthue					1-1	DateTime	x	An10	Ngày hoàn thuế thực tế	YYYY-MM-DD
			Hang_Bay					1-1	NVarchar	x	un..50	Hãng bay	
			Sohieu_Chuyenbay					1-1	NVarchar	x	un..20	Số hiệu chuyến bay	
			Ngay_Bay					1-1	DateTime	x	An10	Ngày bay	
			Kyhieu_Chungtu					1-1	Varchar	x	an..12	Ký hiệu chứng từ chi tiền do Ngân hàng cấp	
			So_Chungtu					1-1	Varchar	x	an..12	Số chứng từ chi tiền do Ngân hàng cấp	
		Signature						1-1	Varchar	x	None	Ký toàn bộ thông điệp theo phương thức Enveloped theo chuẩn xml signature	
			SignedInfo					1-1	Varchar	x	None		
			CanonicalizationMethod					1-1	Varchar	x	an..100	Phương thức chuẩn hoá dữ liệu	
			SignatureMethod					1-1	Varchar	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để ký số	
			Reference					1-1	Varchar	x	None		
			Transforms					1-1	Varchar	x	None		
							1-1	Varchar	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để chuyển đổi thông điệp		
				DigestMethod				1-1	Varchar	x	an..100	Thuật toán sử dụng để băm	SHA2
				DigestValue				1-1	Varchar	x	an..100	Giá trị của hàm băm	Base64
			SignatureValue					1-1	Varchar	x	un..500	Chữ ký số trên thông điệp	
			KeyInfo					1-1	Varchar	x	None		
			X509Data					1-1	Varchar	x	None		
				X509IssuerSerial				1-1	Varchar	x	None		
				X509IssuerName				1-1	Varchar	x	un..255	Người được cấp chứng thư số	
				X509SerialNumber				1-1	Number	x	n..40	Số serial của chứng thư số	Bigint
				X509Certificate				1-1	Varchar	x	an..4000	Chứng thư số	Base64

ST T	Tên thẻ XML							Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7						

Thông điệp M24:

ST T	Tên thẻ XML							Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7						
M24. THÔNG ĐIỆP XÁC NHẬN ĐÃ GHI NHẬN ĐỀ NGHỊ HIỆU CHÍNH THÔNG TIN XÁC NHẬN HOÀN TIỀN VAT THỰC TẾ													
Mô tả thông điệp:													
II - Chức năng thông điệp: Thông điệp xác nhận đã ghi nhận đề nghị hiệu chỉnh thông tin xác nhận hoàn tiền VAT thực tế													
- Thông điệp hỏi: Message Type = 23;													
- Thông điệp trả lời: Message Type = 24;													
	Customs							1-1		x	None		
		Header						1-1		x	None		
			Message_Version					1-1	Varchar	x	an..5	Phiên bản thông điệp (2.0)	
			Sender_Code					1-1	Varchar	x	an..11	Mã Ngân hàng	
			Sender_Name					1-1	NVarchar	x	un..255	Tên Ngân hàng	
			Transaction_Type					1-1	Number	x	n..2	Loại thông điệp (M24)	
			Transaction_Name					1-1	NVarchar	x	un..255	Tên thông điệp	
			Transaction_Date					1-1	Datetime	x	an19	Ngày giao dịch	YYYY-MM-DD Thh:mm:ss
			Transaction_ID					1-1	Varchar	x	an..40	Mã giao dịch	
			Request_ID					1-1	Varchar	x	an..40	Mã giao dịch do Ngân hàng cấp	
		Error						1-1		x	None		
			Error_Number					1-1	Varchar	x	n..4	Mã lỗi	
			Error_Message					1-1	Number	x	un..255	Nội dung lỗi	
			Signature					1-1	Varchar	x	None	Ký toàn bộ thông điệp theo phương thức Enveloped theo chuẩn xml signature	
			SignedInfo					1-1	Varchar	x	None		
			CanonicalizationMethod					1-1	Varchar	x	an..100	Phương thức chuẩn hoá dữ liệu	

ST T	Tên thẻ XML							Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7						
				SignatureMethod				1-1	Varchar	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để ký số	
				Reference				1-1	Varchar	x	None		
				Transforms				1-1	Varchar	x	None		
					Transform			1-1	Varchar	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để chuyển đổi thông điệp	
				DigestMethod				1-1	Varchar	x	an..100	Thuật toán sử dụng để băm	SHA2
				DigestValue				1-1	Varchar	x	an..100	Giá trị của hàm băm	Base64
			SignatureValue					1-1	Varchar	x	un..500	Chữ ký số trên thông điệp	
			KeyInfo					1-1	Varchar	x	None		
			X509Data					1-1	Varchar	x	None		
				X509IssuerSerial				1-1	Varchar	x	None		
					X509IssuerName			1-1	Varchar	x	un..255	Người được cấp chứng thư số	
					X509SerialNumber			1-1	Number	x	n..40	Số serial của chứng thư số	Bigint
				X509Certificate				1-1	Varchar	x	an..4000	Chứng thư số	Base64

Thông điệp M31:

STT	Tên thẻ XML							Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú	
	1	2	3	4	5	6	7							
I	M31. THÔNG ĐIỆP ĐỀ NGHỊ ĐỔI CHIẾU DỮ LIỆU													
	Mô tả thông điệp:													
	- Chức năng thông điệp: Thông điệp thông điệp đề nghị đổi chiếu dữ liệu													
	- Thông điệp hỏi: Message Type = 31;													
	- Thông điệp trả lời: Message Type = 32;													
	Customs									x	None			
		Header							1-1		x	None		
				Message_Version					1-1	Varchar	x	an..5	Phiên bản thông điệp (2.0)	
				Sender_Code					1-1	Varchar	x	an..11	Mã Ngân hàng	
				Sender_Name					1-1	NVarchar	x	un..255	Tên Ngân hàng	
			Transaction_Type					1-1	Number	x	n..2	Loại thông điệp (M31)		
			Transaction_Name					1-1	NVarchar	x	un..255	Tên thông điệp		
			Transaction_Date					1-1	Datetime	x	an19	Ngày giao dịch	YYYY-MM-DD Thh:mm:ss	
			Transaction_ID					1-1	Varchar	x	an..40	Mã giao dịch		
		Data								x	None		1 Data tương đương 1 hóa đơn cần đổi chiếu, nếu muốn đổi chiếu nhiều hóa đơn, tạo nhiều thẻ Data tương ứng với số lượng hóa đơn	
			So_Hoadon					1-1	Varchar	x	an..15	Số hóa đơn		
			Ngày_Lap					1-1	DateTime	x	An10	Ngày lập Hóa đơn	YYYY-MM-DD	

STT	Tên thẻ XML							Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7						
			MS_Thuê					1-1	Varchar	x	an..14	mã số thuế của hàng	
			So_Hochieu					1-1	Varchar	x	an..12	Số hộ chiếu khách hàng	
			Sotien_Thuctehoan					1-1	Number	x	n..15	Số tiền thuế thực tế đã hoàn	
			Ngày_Hoanthue					1-1	DateTime	x	An10	Ngày hoàn thuế thực tế	YYYY-MM-DD
			Kyhieu_Chungtu					1-1	Varchar	x	an..12	Ký hiệu chứng từ chi tiền do Ngân hàng cấp	
			So_Chungtu					1-1	Varchar	x	an..12	Số chứng từ chi tiền do Ngân hàng cấp	
			Signature					1-1	Varchar	x	None	Ký toàn bộ thông điệp theo phương thức Enveloped theo chuẩn xml signature	
			SignedInfo					1-1	Varchar	x	None		
			CanonicalizationMethod					1-1	Varchar	x	an..100	Phương thức chuẩn hoá dữ liệu	
			SignatureMethod					1-1	Varchar	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để ký số	
			Reference					1-1	Varchar	x	None		
				Transforms				1-1	Varchar	x	None		
					Transform			1-1	Varchar	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để chuyển đổi thông điệp	
				DigestMethod				1-1	Varchar	x	an..100	Thuật toán sử dụng để băm	SHA2
				DigestValue				1-1	Varchar	x	an..100	Giá trị của hàm băm	Base64
			SignatureValue					1-1	Varchar	x	un..500	Chữ ký số trên thông điệp	
			KeyInfo					1-1	Varchar	x	None		
			X509Data					1-1	Varchar	x	None		
			X509IssuerSerial					1-1	Varchar	x	None		
				X509IssuerName				1-1	Varchar	x	un..255	Người được cấp chứng thư số	
				X509SerialNumber				1-1	Number	x	n..40	Số serial của chứng thư số	Bigint
			X509Certificate					1-1	Varchar	x	an..4000	Chứng thư số	Base64

Thông điệp M32:

STT	Tên thẻ XML							Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7						
	M32: THÔNG ĐIỆP XÁC NHẬN ĐÃ GHI NHẬN NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ ĐỐI CHIẾU												

STT	Tên thẻ XML							Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú	
	1	2	3	4	5	6	7							
II	Mô tả thông điệp: - Chức năng thông điệp: Thông điệp xác nhận đã ghi nhận nội dung đề nghị đối chiếu - Thông điệp hỏi: Message Type = 31; - Thông điệp trả lời: Message Type = 32;													
	Customs							1-1		x	None			
		Header							1-1		x	None		
			Message_Version						1-1	Varchar	x	an..5	Phiên bản thông điệp (2.0)	
			Sender_Code						1-1	Varchar	x	an..11	Mã Ngân hàng	
			Sender_Name						1-1	NVarchar	x	un..255	Tên Ngân hàng	
			Transaction_Type						1-1	Number	x	n..2	Loại thông điệp (M32)	
			Transaction_Name						1-1	NVarchar	x	un..255	Tên thông điệp	
			Transaction_Date						1-1	Datetime	x	an19	Ngày giao dịch	YYYY-MM-DD Thh:mm:ss
			Transaction_ID						1-1	Varchar	x	an..40	Mã giao dịch	
			Request_ID						1-1	Varchar	x	an..40	Mã giao dịch do Ngân hàng cấp	
		Error							1-1		x	None		
			Error_Number						1-1	Varchar	x	n..4	Mã lỗi	
			Error_Message						1-1	Number	x	un..255	Nội dung lỗi	
		Signature							1-1	Varchar	x	None	Ký toàn bộ thông điệp theo phương thức Enveloped theo chuẩn xml signature	
			SignedInfo						1-1	Varchar	x	None		
			CanonicalizationMethod						1-1	Varchar	x	an..100	Phương thức chuẩn hoá dữ liệu	
			SignatureMethod						1-1	Varchar	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để ký số	
			Reference						1-1	Varchar	x	None		
			Transforms						1-1	Varchar	x	None		
								1-1	Varchar	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để chuyển đổi thông điệp		
									Transform					

STT	Tên thẻ XML							Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7						
					DigestMethod			1-1	Varchar	x	an..100	Thuật toán sử dụng để băm	SHA2
					DigestValue			1-1	Varchar	x	an..100	Giá trị của hàm băm	Base64
			SignatureValue					1-1	Varchar	x	un..500	Chữ ký số trên thông điệp	
			KeyInfo					1-1	Varchar	x	None		
			X509Data					1-1	Varchar	x	None		
				X509IssuerSerial				1-1	Varchar	x	None		
					X509IssuerName			1-1	Varchar	x	un..255	Người được cấp chứng thư số	
					X509SerialNumber			1-1	Number	x	n..40	Số serial của chứng thư số	Bigint
				X509Certificate				1-1	Varchar	x	an..4000	Chứng thư số	Base64

Thông điệp M33:

ST T	Tên thẻ XML							Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7						
M33. THÔNG ĐIỆP ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP KẾT QUẢ ĐỐI CHIẾU DỮ LIỆU													
Mô tả thông điệp:													
I	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng thông điệp: Thông điệp đề nghị cung cấp kết quả đối chiếu dữ liệu - Thông điệp hỏi: Message Type = 33; - Thông điệp trả lời: Message Type = 34; 												
	Customs							1-1			None		
		Header						1-1			None		
			Message_Version					1-1	Varchar	x	an..5	Phiên bản thông điệp (2.0)	
			Sender_Code					1-1	Varchar	x	an..11	Mã Ngân hàng	
			Sender_Name					1-1	NVarchar	x	un..255	Tên Ngân hàng	
			Transaction_Type					1-1	Number	x	n..2	Loại thông điệp (M33)	
			Transaction_Name					1-1	NVarchar	x	un..255	Tên thông điệp	
			Transaction_Date					1-1	Datetime	x	an19	Ngày giao dịch	YYYY-MM-DD Thh:mm:ss
			Transaction_ID					1-1	Varchar	x	an..40	Mã giao dịch	
		Data						1-1		x	None		
			Request_ID					1-1	Varchar	x	an..40	Mã giao dịch do Ngân hàng cấp	
			Signature					1-1	Varchar	x	None	Ký toàn bộ thông điệp theo phương thức Enveloped theo chuẩn xml signature	
			SignedInfo					1-1	Varchar	x	None		
			CanonicalizationMethod					1-1	Varchar	x	an..100	Phương thức chuẩn hoá dữ liệu	
			SignatureMethod					1-1	Varchar	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để ký số	
			Reference					1-1	Varchar	x	None		
			Transforms					1-1	Varchar	x	None		

ST T	Tên thẻ XML							Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú	
	1	2	3	4	5	6	7							
							Transform	1-1	Varchar	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để chuyển đổi thông điệp		
					DigestMethod			1-1	Varchar	x	an..100	Thuật toán sử dụng để băm	SHA2	
					DigestValue			1-1	Varchar	x	an..100	Giá trị của hàm băm	Base64	
			SignatureValue					1-1	Varchar	x	un..500	Chữ ký số trên thông điệp		
			KeyInfo					1-1	Varchar	x	None			
			X509Data						1-1	Varchar	x	None		
				X509IssuerSerial				1-1	Varchar	x	None			
				X509IssuerName				1-1	Varchar	x	un..255	Người được cấp chứng thư số		
				X509SerialNumber				1-1	Number	x	n..40	Số serial của chứng thư số	Bigint	
				X509Certificate				1-1	Varchar	x	an..4000	Chứng thư số	Base64	

Thông điệp M34:

ST T	Tên thẻ XML							Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7						
	M34. THÔNG ĐIỆP CUNG CẤP KẾT QUẢ ĐỐI CHIẾU DỮ LIỆU												
	Mô tả thông điệp:												
II	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng thông điệp: Thông điệp cung cấp kết quả đối chiếu dữ liệu - Thông điệp hỏi: Message Type = 33; - Thông điệp trả lời: Message Type = 34; 												
	Customs							1-1		x	None		
		Header						1-1		x	None		
			Message_Version					1-1	Varchar	x	an..5	Phiên bản thông điệp (2.0)	
			Sender_Code					1-1	Varchar	x	an..11	Mã Ngân hàng	
			Sender_Name					1-1	NVarchar	x	un..255	Tên Ngân hàng	
			Transaction_Type					1-1	Number	x	n..2	Loại thông điệp (M34)	
			Transaction_Name					1-1	NVarchar	x	un..255	Tên thông điệp	

ST T	Tên thẻ XML							Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7						
			Transaction_Date					1-1	Datetime	x	an19	Ngày giao dịch	YYYY-MM-DD Thh:mm:ss
			Transaction_ID					1-1	Varchar	x	an..40	Mã giao dịch	
		Data					1-1	Varchar	x	None			
			KQ_DC					1-1	Number	x	un..255	Kết quả đối chiếu	Các thông tin sai lệch sẽ được trả về theo dạng sau: <Data> <Data1> <KQDC>Trùng khớp</KQDC> </Data1> <Data2> <KQDC>Thông tin không trùng khớp: {list tên những trường không trùng khớp dựa trên kết quả so sánh dữ liệu từ thông điệp M31 với dữ liệu của HQ}</KQDC> </Data2> </Data>
		Error					1-1		x	None			
			Error_Number					1-1	NVarchar	x	n..4	Mã lỗi	
			Error_Message					1-1	Number	x	un..255	Nội dung lỗi	

ST T	Tên thẻ XML							Lặp lại	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mô tả dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7						
		Signature						1-1	Varchar	x	None	Ký toàn bộ thông điệp theo phương thức Enveloped theo chuẩn xml signature	
		SignedInfo						1-1	Varchar	x	None		
		CanonicalizationMethod						1-1	Varchar	x	an..100	Phương thức chuẩn hoá dữ liệu	
		SignatureMethod						1-1	Varchar	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để ký số	
		Reference						1-1	Varchar	x	None		
		Transforms						1-1	Varchar	x	None		
		Transform						1-1	Varchar	x	an..100	Thuật toán được sử dụng để chuyển đổi thông điệp	
		DigestMethod						1-1	Varchar	x	an..100	Thuật toán sử dụng để băm	SHA2
		DigestValue						1-1	Varchar	x	an..100	Giá trị của hàm băm	Base64
		SignatureValue						1-1	Varchar	x	un..500	Chữ ký số trên thông điệp	
		KeyInfo						1-1	Varchar	x	None		
		X509Data						1-1	Varchar	x	None		
		X509IssuerSerial						1-1	Varchar	x	None		
		X509IssuerName						1-1	Varchar	x	un..255	Người được cấp chứng thư số	
		X509SerialNumber						1-1	Number	x	n..40	Số serial của chứng thư số	Bigint
		X509Certificate						1-1	Varchar	x	an..4000	Chứng thư số	Base64